

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 32/2018/KDTM-ST

Ngày 18/07/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
Tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng

2. Bà Nguyễn Thị Châu Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 07 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 61/2017/KDTM-ST ngày 27/10/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2018/QĐXXST-KDTM ngày 31 tháng 05 năm 2018, quyết định hoãn phiên tòa số 188/2018/QĐHPT-KDTM ngày 22 tháng 06 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần N. Trụ sở số 198, đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn* (văn bản uỷ quyền số 444/UQ-NRO-KH ngày 28/07/2017): Bà Lê Thị H, sinh năm 1984. Cư trú số 187/10, lầu 3, đường L, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1973. Cùng cư trú số 167/2/4, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1957. Cùng cư trú số 167/2/12, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.2 Ông Nguyễn Anh H, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Th, sinh năm 1986. Cùng cư trú số 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 17/08/2017, bản tự khai ngày 23/11/2017, ngày 24/04/2018 và ngày 17/07/2018, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 31/01/2018 và ngày 24/04/2018 cũng như tại phiên tòa, Ngân hàng thương mại cổ phần N trình bày:

1.1 Ngày 23/09/2010, Ngân hàng thương mại cổ phần N và bà Nguyễn Anh Đ, ông Nguyễn Hữu L có ký hợp đồng tín dụng 0043-TDJ/10CD có nội dung *“Bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L vay của Ngân hàng thương mại cổ phần N 800.000.000 đồng, lãi suất 14,3%/năm (hiện nay chỉ còn 12%/năm) để sửa chữa nhà phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 60 tháng. Ngày nhận nợ 27/09/2010”*

- Tài sản bảo đảm tiền vay, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất số 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh số 5728/2009/GCN ngày 09/12/2009 của uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị S1. Hợp đồng thế chấp số 0033/NHNT-HVT/10 áp dụng đối với trường hợp tài sản thế chấp của bên thứ ba được công chứng số 20374, quyền số 09, ngày 23/09/2010 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng tài nguyên và môi trường quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh số 007998, ngày 24/09/2010. Cụ thể:

+ **Quyền sử dụng đất:** Địa chỉ 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh. Thửa đất số 550, tờ bản đồ số 88. Diện tích 200 m², đất ở.

+ **Tài sản gắn liền với đất:** Diện tích xây dựng 105 m². Tổng diện tích sàn xây dựng 399 m². Đặc điểm, nhà ở nền gạch, cột – khung - sàn BTCT, tường gạch, gác gỗ, mái tôn, 02 tầng.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L thanh toán được 229.600.000 đồng tiền nợ gốc và tiền nợ lãi theo quy định. Từ đầu tháng 03/2012 cho đến nay, bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không thanh toán mặc dù Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nhiều lần nhắc nợ. Vì vậy, Ngân hàng thương mại cổ phần N yêu cầu toà án buộc bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 17/07/2018 như sau: Tiền gốc 570.400.000 đồng + Tiền lãi 614.877.010 đồng = 1.185.277.010 đồng.

Lãi tiếp tục được tính từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L trả hết nợ.

1.2 Nếu bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản bảo đảm.

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/04/2018, biên bản về việc không hoà giải được ngày 24/04/2018 bà Nguyễn Thị S1 là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà và chồng là ông Nguyễn Văn S là chủ sở hữu nhà, đất số 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh. Nhà, đất số 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện Ngân hàng thương mại cổ phần N đang giữ. Bà xác nhận vợ, chồng bà có đứng ra bảo lãnh cho bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần N, số tiền vay là bao nhiêu bà không biết. Bà đồng ý với yêu cầu của ngân hàng về tiền nợ gốc, tiền nợ lãi. Trường hợp, bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không trả hết số nợ cho ngân hàng, thì vợ chồng bà không đồng ý cho phát mãi nhà, đất số đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng bà đồng ý trả thay tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cho bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L trong trường hợp bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, vợ chồng bà yêu cầu Ngân hàng cho thêm thời gian để vợ chồng bà xoay sở tiền trả nợ và đề nghị ngân hàng không tính tiền lãi.

- Bà xác nhận tại nhà, đất số 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh có vợ chồng con trai bà là ông Nguyễn Anh H và bà Trần Thị Th đang sinh sống, ngoài ra không có ai khác. Bà xác nhận vợ chồng con trai bà có nhận được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tuy nhiên do bận đi làm nên không đến toà án được.

3. Bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L vắng mặt trong xuất quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà.

4. Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 31/01/2018, ngày 24/04/2018: Ngân hàng thương mại cổ phần N xác nhận đã gửi cho bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L, người có quyền, nghĩa vụ liên quan các chứng cứ mà Ngân hàng thương mại cổ phần N đã cung cấp cho tòa án. Ngân hàng thương mại cổ phần N không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu tòa án thu thập thêm chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm đương sự, những người tham gia tố tụng. Ngân hàng thương mại cổ phần N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không sửa đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu khởi kiện.

5. Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải ngày 24/04/2018: Bà Nguyễn Thị S1 là người có quyền, nghĩa vụ liên quan xác nhận không có yêu cầu độc lập, bà đã nhận được các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng thương mại cổ phần N đã cung cấp cho tòa án. Bà thống nhất với các tài liệu, chứng cứ đó và không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu tòa

án thu thập thêm chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm những người tham gia tố tụng khác.

6. Tại phiên toà: Ngân hàng thương mại cổ phần N vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

7. Ý kiến của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà:

7.1 Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

7.2 Về nội dung: Chấp nhận các yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét, tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

I. Về tố tụng:

1. Bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L cùng có nơi cư trú cuối cùng số 167/2/4, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điều 30 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

2. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Anh Đ, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Anh H và bà Trần Thị Th đến Tòa án để viết bản tự khai, triệu tập hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập hai lần để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bà Nguyễn Anh Đ, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Anh H và bà Trần Thị Th vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa bà Nguyễn Anh Đ, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Anh H và bà Trần Thị Th đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Anh Đ, ông Nguyễn Hữu L, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Anh H và bà Trần Thị Th theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị S1 hai lần đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bà Nguyễn Thị S1 vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa bà Nguyễn Thị S1 đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị S1 theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về nội dung

1. Căn cứ hợp đồng tín dụng số 0043-TDJ/10CD cũng như sự trình bày của Ngân hàng thương mại cổ phần N, của bà Nguyễn Thị S1 trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần N tính đến ngày 17/07/2018 số tiền là: Tiền gốc 570.400.000 đồng + Tiền lãi 614.877.010 đồng = 1.185.277.010 đồng

2. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị S1 thống nhất với ngân hàng về tiền nợ gốc, tiền nợ lãi nhưng vợ chồng bà không đồng ý cho phát mãi nhà, đất số 167/2/3, đường số 8, khu phố 1, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không trả nợ cho ngân hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Hợp đồng thế chấp số 0033/NHNT-HVT/10 áp dụng đối với trường hợp tài sản thế chấp của bên thứ ba được công chứng số 20374, quyển số 09, ngày 23/09/2010 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng tài nguyên và môi trường quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh số 007998, ngày 24/09/2010. Bà Nguyễn Thị S1 xác nhận vợ, chồng bà có đứng ra bảo lãnh cho bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L để vay tiền Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Do vậy, căn cứ vào điều 369 Bộ luật dân sự năm 2005 “*Trong trường hợp đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ thay cho bên được bảo lãnh, mà bên bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải đưa tài sản thuộc sở hữu của mình để thanh toán cho bên nhận bảo lãnh*” nên yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N được phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không trả nợ cho ngân hàng là có cơ sở được chấp nhận và yêu cầu của vợ, chồng bà Nguyễn Thị S1 không đồng ý cho phát mãi tài sản thế chấp không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Trường hợp bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L trả hết số tiền còn nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần N phải giải chấp tài sản thế chấp.

3. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị S1 đồng ý trả thay tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cho bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L trong trường hợp bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không có khả năng trả nợ cho ngân hàng. Tuy nhiên, vợ chồng bà yêu cầu Ngân hàng cho thêm thời gian để vợ chồng bà xoay sở tiền trả nợ và đề nghị ngân hàng không tính tiền lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của bà không được Ngân hàng thương mại cổ phần N đồng ý, nên hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, để chấp nhận.

4. Do yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần N được hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L liên đới phải nộp án phí trên số tiền 1.185.277.010 đồng. Trả lại tiền tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại cổ phần N đã nộp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 30 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 186, điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 4, điều 297 khoản 1, điều 306 Luật thương mại; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.1 Buộc bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L liên đới phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền là 1.185.277.010 đồng (Một tỷ một trăm tám mươi năm triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm mười) đồng.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1.2 Trường hợp bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L trả hết số tiền nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N phải giải chấp tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất số 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh số 5728/2009/GCN ngày 09/12/2009 của uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị S1. Hợp đồng thế chấp số 0033/NHNT-HVT/10 áp dụng đối với trường hợp tài sản thế chấp của bên thứ ba được công chứng số 20374, quyển số 09, ngày 23/09/2010 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng tài nguyên và môi trường quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh số 007998, ngày 24/09/2010. Cụ thể:

- **Quyền sử dụng đất:** Địa chỉ 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh. Thửa đất số 550, tờ bản đồ số 88. Diện tích 200 m², đất ở.

- **Tài sản gắn liền với đất:** Diện tích xây dựng 105 m². Tổng diện tích sàn xây dựng 399 m². Đặc điểm, nhà ở nền gạch, cột – khung - sàn BTCT, tường gạch, gác gỗ, mái tôn, 02 tầng.

1.3 Trường hợp bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất số 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh số 5728/2009/GCN ngày 09/12/2009 của uỷ ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị S1. Hợp đồng thế chấp số 0033/NHNT-HVT/10 áp dụng đối với trường hợp tài sản thế chấp của

bên thứ ba được công chứng số 20374, quyền số 09, ngày 23/09/2010 tại phòng công chứng số 6, thành phố Hồ Chí Minh. Đăng ký giao dịch bảo đảm tại phòng tài nguyên và môi trường quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh số 007998, ngày 24/09/2010. Cụ thể:

- **Quyền sử dụng đất:** Địa chỉ 167/2/3, đường số X, khu phố Y, phường L, quận T thành phố Hồ Chí Minh. Thửa đất số 550, tờ bản đồ số 88. Diện tích 200 m², đất ở.

- **Tài sản gắn liền với đất:** Diện tích xây dựng 105 m². Tổng diện tích sàn xây dựng 399 m². Đặc điểm, nhà ở nền gạch, cột – khung - sàn BTCT, tường gạch, gác gỗ, mái tôn, 02 tầng.

2. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Anh Đ và ông Nguyễn Hữu L liên đới phải nộp 47.558.310 (Bốn mươi bảy triệu năm trăm năm mươi tám ngàn ba trăm mười) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.162.071 (Hai mươi hai triệu một trăm sáu mươi hai ngàn không trăm bảy mươi một) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0037398 ngày 27/10/2017 của chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Anh Đ, ông Nguyễn Hữu L, bà Nguyễn Thị S1, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Anh H và bà Trần Thị Th được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP. HCM.
- VKSND Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.
- Đường sự, lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quang Hiền